

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 45/2017/DS-ST

Ngày 20/9/2017

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Hồ Hải Thành

Ông Nguyễn Văn Đời

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lành - Thư ký TAND quận S, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/QĐST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2017/QĐST-DS ngày 14/9/2017 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Mai Phương L**- Sinh năm: 1969- Địa chỉ: Số 29 đường PL 8, phường AK, quận T, Tp Đà Nẵng. *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Bà **Đặng Thị T**- Sinh năm; 1969- Địa chỉ: Tổ 31A phường TQ, quận S, Tp Đà Nẵng. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay- nguyên đơn bà Mai Phương L trình bày:*

Vào ngày 18.4.2017 bà Mai Phương L có cho bà Đặng Thị T vay số tiền 204.000.000đ (*Hai trăm lẻ bốn triệu đồng*) để làm thủ tục đáo hạn tại Ngân hàng Quốc Dân. Bà T có hẹn một tuần sau đến ngày 24/4/2017 sẽ trả lại tiền cho bà Mai Phương L. Tuy nhiên từ đó tới nay bà Mai Phương L có nhiều lần đòi tiền nhưng bà T vẫn không chịu trả cho bà Mai Phương L đồng nào. Nay, bà Mai Phương L yêu cầu Tòa án buộc bà Đặng Thị T có trách nhiệm trả một lần cho bà Mai Phương L toàn bộ số tiền 204.000.000đ (*Hai trăm lẻ bốn triệu đồng*) trong thời gian sớm nhất, bà L không yêu cầu tính lãi suất.

** Theo Bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa bị đơn - bà Đặng Thị T trình bày*

Bà Đặng Thị T thống nhất với toàn bộ phần trình của bà L như trên là đúng. Bà Đặng Thị T xác nhận vào ngày 18.4.2017 bà có vay của bà Mai Phương L số tiền 204.000.000đ (*Hai trăm lẻ bốn triệu đồng*) để làm thủ tục đáo hạn ngân hàng tại Ngân hàng Quốc Dân, bà L trực tiếp chuyển số tiền trên vào tài khoản của bà T. Bà Đặng Thị T có hẹn một tuần sau sẽ trả lại tiền cho bà L. Sau đó bà Đặng Thị T đưa toàn bộ số tiền này cho ông Lê Thanh N là nhân viên của Ngân hàng Quốc Dân để ông N làm thủ tục đáo hạn cho bà (ông N có viết giấy mượn tiền cho bà T). Tuy nhiên, sau đó ông N không làm thủ tục đáo hạn, bà có liên lạc để đòi số tiền trên nhưng ông N đã nghỉ việc tại Ngân hàng và bỏ trốn hiện nay ở đâu bà không rõ. Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà có trách nhiệm trả một lần cho bà L toàn bộ số tiền 204.000.000đ (*Hai trăm lẻ bốn triệu đồng*) thì bà hoàn toàn đồng ý, nhưng xin cho bà một khoảng thời gian để bà tìm ông N và tìm ra phương án trả nợ cho bà L. Ngoài ra, việc vay mượn này chồng bà là ông Phạm Văn Đ không hay biết, mặc dù trong Giấy mượn tiền bà có ghi tên chồng bà nhưng không có chữ ký của ông Đ nên bà xác định ông Phạm Văn Đ không liên quan gì đến vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] **Về phần thủ tục:** Đơn khởi kiện của bà Mai Phương L nộp tại tòa án là đúng thủ tục và đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về xác định người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn- bà Đặng Thị T xác định việc vay mượn tiền giữa bà và bà L thì chồng bà là ông Phạm Văn Đ không hay biết, mặc dù trong Giấy mượn tiền bà có ghi tên chồng bà nhưng ông Đ không ký vào Giấy mượn tiền nên bà xác định đây là nợ riêng của bà, ông Phạm Văn Đ không liên quan gì đến vụ án này. Về phía nguyên đơn cũng thừa nhận trong Giấy mượn tiền không có chữ ký của chồng bà T và việc vay mượn này ông Đ không có liên quan gì. Do vậy, Tòa án không xem xét đưa ông Phạm Văn Đ vào người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ngoài ra, bị đơn – bà Đặng Thị T cũng cung cấp: Sau khi vay tiền của bà L, bà đã đưa số tiền 204.000.000 đồng giao cho ông Lê Thanh N để nhờ ông N làm thủ tục đáo hạn cho bà. Tuy nhiên, sau đó ông N không làm thủ tục đáo hạn cho bà mà đã bỏ trốn, bà T có đến Ngân hàng Quốc dân tìm ông N nhưng được biết ông N đã nghỉ việc từ lâu, hiện nay ông N ở đâu bà không rõ. Do bà T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của ông Lê Thanh N nên Tòa án không xem xét đưa ông Lê Thanh N vào người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Do có nhu cầu đáo hạn Ngân hàng, qua sự giới thiệu của ông Lê Thanh N nên bà Đặng Thị T có vay của bà Mai Phương L số tiền 204.000.000 đồng để làm thủ tục đáo hạn tại Ngân hàng Quốc dân. Khi vay, giữa hai bà có viết giấy mượn tiền và hẹn một tuần sau đến ngày 24/4/2017 bà T sẽ trả lại tiền cho bà L. Tuy nhiên từ đó tới nay bà Mai Phương L có nhiều lần đòi tiền nhưng bà T vẫn không chịu trả cho bà L. Tại phiên toà hôm nay, bà L yêu cầu Tòa án buộc bà Đặng Thị T phải có trách nhiệm trả một lần cho bà L toàn bộ số tiền 204.000.000đ (*Hai trăm lẻ bốn triệu đồng*) trong thời gian sớm nhất, bà L không yêu cầu tính lãi suất.

Về phía bị đơn- bà Đặng Thị T thừa nhận có nợ bà L số tiền 204.000.000 đồng, bà đồng ý trả nợ nhưng xin hẹn một khoảng thời gian khi nào bà tìm được ông Lê Thanh N lấy lại số tiền trên bà sẽ trả cho bà L.

[3] Xét yêu cầu của các bên đương sự thì thấy: Việc bà Đặng Thị T còn nợ bà Mai Phương L số tiền 204.000.000 đồng (*Hai trăm lẻ bốn triệu đồng*) là thực tế có thật và được các bên đương sự thừa nhận. Đối với phương án xin hẹn một khoảng thời gian khi nào bà T tìm được ông Lê Thanh N lấy lại số tiền trên thì bà sẽ trả cho bà L không được bà L đồng ý, việc này thể hiện sự thiếu thiện chí trả nợ nhằm trốn tránh và kéo dài việc trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét chấp nhận. Trong trường hợp có tranh chấp, bà T có thể khởi kiện ông Lê Thanh N bằng một vụ án khác để lấy lại số tiền trên.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở buộc bà Đặng Thị T phải có trách nhiệm trả dứt điểm cho bà Mai Phương L số tiền 204.000.000 đồng (*Hai trăm lẻ bốn triệu đồng*) là phù hợp với Điều 280, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, do bà L không yêu cầu tính lãi nên không đề cập giải quyết.

[5] **Án phí dân sự sơ thẩm:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự
- Căn cứ Điều 280, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Phương L đối với bà Đặng Thị T về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Xử: Buộc bà Đặng Thị T có trách nhiệm trả cho bà Mai Phương L số tiền 204.000.000đ (*Hai trăm lẻ bốn triệu đồng*)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Đặng Thị T phải chịu là 10.200.000 đồng (*Mười triệu hai trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả lại cho bà Mai Phương L số tiền tạm ứng án phí 5.100.000 đồng (*Năm triệu một trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 1847 ngày 26/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận S;
- Chi cục THA dân sự quận S;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Trâm